TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 09 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" và "Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Bình Trọng

***Thư ký phiên họp*:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai

***Đại diện Viện kiểm sát nhân DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp*:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 27/2021/TLST-VDS ngày 06/7/2021 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" và "Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố P C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà D T H, địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh C S C, sinh ngày 15/7/1995

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B P, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Chị M T M, sinh ngày 20/12/1998

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B P, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà D T H trình bày: Anh C S C sinh ngày 15/7/1995 và chị M T M sinh ngày 20/12/1998 hiện đang cư trú tại thôn B P, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q T S (nay là xã Q H T), huyện S, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2016. Nhưng khi kết hôn thì chị M đã vi phạm điều kiện kết hôn là chị chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, anh C và chị M không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh C S C và chị M T M, để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân đối với chị M T M theo quy định.

2. Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 28/7/2021 và Bản tự khai ngày 02/8/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C S C và chị M T M đều trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q T S (nay là xã Q H T), huyện S, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn, thì chị M đã vi phạm điều kiện kết hôn là chị chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là (nữ từ đủ 18 tuổi trở lên). Ngoài ra, anh C và chị M không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh C và chị M khẳng định anh chị vẫn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ thời điểm anh C và chị M đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/12/2016 theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về lệ phí hôn nhân và gia đình giải quyết việc dân sự anh C và chị M nhận chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân DÂN HUYỆN S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự. Khi Tòa án ra Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh C và chị M đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ thể như sau: Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị M với anh C; bản sao Giấy khai sinh của chị M T M; trích lục về việc cải chính hộ tịch đối với chị M; bản sao chứng thực giấy chứng minh nhân dân của anh C S C và chị M T M; bản sao giấy khai sinh của anh C S C; bản sao chứng thực sổ hộ khẩu chủ hộ Cư Seo Giáo; văn bản đề nghị số 92/TP ngày 18/6/2021 về việc đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật của công dân M T M. Như vậy khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q T S (nay là xã Q H T), huyện S, tỉnh Lào Cai thì chị M đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh C và chị M là có căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014. Nên chấp nhận hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh C và chị M kể từ ngày 19/9/2016 đến ngày 20/12/2016.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì cả anh C và chị M đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời anh C và chị M đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, nên Tòa án sẽ xem xét công nhận quan hệ hôn nhân của anh C và chị M kể từ thời điểm cả anh C và chị M đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/12/2016. Vì vậy, việc anh C và chị M đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án và không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh C S C và chị M T M phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 10; khoản 1,2,3 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh C S C và chị M T M kể từ ngày 19/9/2016 đến ngày 20/12/2016.

2. Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh C S C và chị M T M. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh C S C và chị M T M kể từ thời điểm cả anh C và chị M đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/12/2016.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện S, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh C S C và chị M T M cùng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh C S C và chị M T M đã nộp đủ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0006879 ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày nhận được quyết định này.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HSVDS, THS (3).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

NXAGĐ quý 2.2016 NX ko áp dụng khoản 1,2,3 Điều 330, khoản 1,2 Điều 331 BLTTDS

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự